BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102150 Giám thị 1: Hồ Đức Quyết Ký tên:

Mã lớp học phần: MH110215003 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Hồ Đức Quyết - (02044) Giám thị 3: Ký tên:

Ngày thi: 12/05/2024 **Giờ thi:** 8h00 **Phòng thi:** X.CNC Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040088	Lê Ngọc	Bảo	07/10/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
2	2210040084	Nguyễn Tấn	Bình	11/12/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
3	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	Diễn	11/11/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
4	2210040100	Hồ Quốc	Duy	16/11/2003		6,0	Sáu	C24CK3	
5	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	Dương	28/11/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
6	2210040081	Nguyễn Kim	Đông	25/06/2003		6,0	Sáu	C24CK3	
7	2210040072	Võ Trọng	Đức	04/03/2003		6,0	Sáu	C24CK3	
8	2210040096	Lê Phước	Hải	26/03/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
9	2210040079	Huỳnh Minh	Hân	05/10/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
10	2210040073	Lý Văn	Huỳnh	01/01/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
11	2210040078	Nguyễn Trọng	Khải	04/03/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
12	2210040089	Nguyễn Thành	Khoa	11/01/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
13	2210040092	Phạm Tuấn	Kiệt	04/5/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
14	2210040086	Phạm Văn Phước	Lộc	25/01/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
15	2210040097	Nguyễn Thanh	Phong	11/10/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
16	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	Phúc	03/12/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
17	2210040082	Trương Trọng	Phúc	07/01/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
18	2210040076	Nguyễn Minh	Tài	24/04/2003		6,0	Sáu	C24CK3	
19	2210040091	Nguyễn Minh	Thuận	29/08/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
20	2210040093	Ngô Nhật	Trường	05/02/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
21	2210040099	Trần Nguyễn Trung	Trực	28/08/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
22	2210040075	Nguyễn Quốc	Việt	08/08/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
23	2210040087	Nguyễn Trần Quang	Vinh	27/01/2004		6,0	Sáu	C24CK3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 20 **vắng thi:** 03 **. Số bài thi:** 20 / .

Số sinh viên đạt/không đạt: 20 / **Tỷ lệ đạt:** 100 %

Ngày 12 *tháng* 5 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 12 *tháng* 05 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

KS Hồ Đức Quyết

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẢO THÍ VÀ KIỂM

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102150

Mã lớp học phần: MH110215003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Hồ Đức Quyết - (02044)

Ngày thi: 02/06/2024 **Giờ thi:** 14h00 **Phòng thi:** X. CNC

Giám thị 1: Hồ Đức Quyết Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004		8,0	Tám	C24CK3	
2	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004		8,0	Tám	C24CK3	
3	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004		8,0	Tám	C24CK3	
4	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003		6,0	Sáu	C24CK3	
5	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
6	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003		7,0	Bảy	C24CK3	
7	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003		8,0	Tám	C24CK3	
8	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
9	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004		8,0	Tám	C24CK3	
10	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
11	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
12	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
13	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/5/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
14	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
15	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004		8,0	Tám	C24CK3	
16	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
17	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004		8,0	Tám	C24CK3	
18	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003		7,0	Bảy	C24CK3	
19	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
20	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004		8,0	Tám	C24CK3	
21	2210040099	Trần Nguyễn Trung	**Trực**	28/08/2004		6,0	Sáu	C24CK3	
22	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004		7,0	Bảy	C24CK3	
23	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004		6,0	Sáu	C24CK3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 26 **vắng thi:** 03 **. Số bài thi:** 20 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 20 /_____ **Tỷ lệ đạt:** 100 %

Ngày 02 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dung

Ngày 02 *tháng* 06 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

KS Hồ Đức Quyết

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

KHẢO THÍ VÀ KIỂ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN L2

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102150

Mã lớp học phần: MH110215003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Hồ Đức Quyết - (02044)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: Hồ Đức Quyết Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040077	Bùi Si	Đan	03/10/2004		6,0	Sáu	C24CK3	L2

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 01 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 13 tháng 5 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 13 tháng 5 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

KS Hồ Đức Quyết

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂ...

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ L2

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102150

Mã lớp học phần: MH110215003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Hồ Đức Quyết - (02044)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: Hồ Đức Quyết Ký tên: _____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040077	Bùi Sĩ	**Đan**	03/10/2004	Đan	7,0	Bảy	C24CK3	L2

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 01 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 %

Ngày 06 tháng 6 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 01 tháng 6 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

KS Hồ Đức Quyết

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102150
Mã lớp học phần: MH110215003 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Hồ Đức Quyết
Ngày thi: 19/07/2024 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: Xưởng CNC**

Giám thị 1: Hồ Đức Quyết Ký tên:
Giám thị 2: Lê Thị Thy Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004			8,0	Tám	C24CK3	
2	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004			6,0	Sáu	C24CK3	
3	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004			7,0	Bảy	C24CK3	
4	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003			7,0	Bảy	C24CK3	
5	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004			7,0	Bảy	C24CK3	
6	2210040077	Bùi Si	**Đan**	03/10/2004			6,0	Sáu	C24CK3	
7	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003			6,0	Sáu	C24CK3	
8	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003			8,0	Tám	C24CK3	
9	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004					C24CK3	
10	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004			6,0	Sáu	C24CK3	
11	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004			6,0	Sáu	C24CK3	
12	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004			6,0	Sáu	C24CK3	
13	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004			7,0	Bảy	C24CK3	
14	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/5/2004			7,0	Bảy	C24CK3	
15	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004			6,0	Sáu	C24CK3	
16	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004			8,0	Tám	C24CK3	
17	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004			7,0	Bảy	C24CK3	
18	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004			8,0	Tám	C24CK3	
19	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003			6,0	Sáu	C24CK3	
20	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004					C24CK3	
21	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004			7,0	Bảy	C24CK3	
22	2210040099	Trần Nguyễn Trung	**Trực**	28/08/2004			7,0	Bảy	C24CK3	
23	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004			7,0	Bảy	C24CK3	
24	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004			6,0	Sáu	C24CK3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 **vắng thi:** 03 **. Số bài thi/Số tờ:** 21 / .

Số sinh viên đạt: 21 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 20 tháng 7 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 tháng 07 năm 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

KS Hồ Đức Quyết